

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 25- 6 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền

Bà Trịnh Thị Thủy

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Mã Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại Toà án nhân dân huyện Đạ Huoai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 20/5/2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 10/6/2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Hồ Mỹ A, sinh năm 1982; địa chỉ: Số D, L, phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố Đ1, thị trấn Đ2, huyện B, tỉnh Bình Phước. Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 0522, quyền số: 01/2025/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/02/2025 tại Văn phòng C “Có mặt”.

- **Bị đơn:** Ông Ngô Thành T1, sinh năm 1985; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số D1, H, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Thành T1: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số D1, H, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2446, quyền số: 01/2025/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2025 tại Văn phòng C1. “Vắng mặt lần thứ hai không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hồ Mỹ A và người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Mỹ A là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Vào ngày 31/01/2024, bà Hồ Mỹ A có cho vợ chồng ông Ngô Thành T1 bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*). Khi vay tiền vợ chồng ông T1 bà H có viết cho bà Á 02 (hai) giấy vay tiền viết tay. Cụ thể:

- Một giấy nợ 150.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 20/6/2024;
- Một giấy nợ 1.050.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 27/9/2024.

Hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 03%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ghi rõ vào giấy vay tiền.

Sau khi vay tiền của bà A, vợ chồng ông T1 bà H có trả cho bà A được 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) tiền lãi và sau đó thì không trả lãi cho bà A nữa. Đến hạn trả nợ, mặc dù bà A đã đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông T1 bà H vẫn cố tình không trả nợ cho bà A và cũng không trả đủ tiền lãi như hai bên đã thỏa thuận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay bà Hồ Mỹ A khởi kiện yêu cầu ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà A số tiền gốc là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất chậm trả 1,66%/tháng tính từ ngày 20/6/2024 đến nay tạm tính là 08 tháng là: $150.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 08 \text{ tháng} = 19.920.000đ$ (*Mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*) và số tiền gốc là 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất chậm trả 1,66%/ tháng tính từ ngày 27/9/2024 đến nay tạm tính là 05 tháng là: $1.050.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 05 \text{ tháng} = 87.150.000đ$ (*Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi mà bà Hồ Mỹ A yêu cầu ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả là 1.307.070.000đ (*Một tỉ ba trăm lẻ bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Theo bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2020, qua sự quen biết ông T1 là chồng bà H có quen bà Hồ Mỹ A. Trong lúc quen biết khi công việc cần tiền để làm ăn vợ chồng bà H có nhiều lần mượn tiền của bà A với lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến cuối năm 2023 chốt lại số tiền gốc nợ bà Á là 1.050.000.000đ, khoản thứ 2 chốt lại 150.000.000đ. Tổng cả hai khoản là 1.200.000.000đ. Đến ngày 07/02/2024, bà H có nói với bà Á là hiện nay kinh tế của vợ chồng bà H đang gặp khó khăn, mất khả năng đóng lãi nên xin bà A cho trả gốc. Tuy nhiên từ đầu năm 2025 bà H mới chỉ trả cho bà A được 120.000.000đ.

Bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 15.000.000đ vì kinh tế gia đình khó khăn, đang vướng vào nợ nần rất nhiều. Bà H xin khắc phục từng năm khi có điều kiện trở lại sẽ trả hết.

Quá trình tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà Hồ Mỹ A và người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Mỹ A là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Sau khi vay tiền của bà A, vợ chồng ông T1 bà H có trả cho bà A được 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) tiền lãi. Tuy nhiên hiện nay ông T1 và bà H đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà A đồng ý cản trừ số tiền 120.000.000đ mà ông T1 và bà H đã trả vào tổng cộng số tiền gốc của hai khoản vay và đồng ý không yêu cầu ông H và bà A phải trả lãi đối với cả hai khoản vay.

Nay bà Hồ Mỹ A yêu cầu ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà A tổng số tiền gốc của hai khoản vay là 1.200.000.000đ - 120.000.000đ = 1.080.000.000đ. Như vậy, tổng cộng số tiền gốc bà A yêu cầu ông T1 và bà H phải trả là 1.080.000.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*), không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Thành T1 trình bày:

Bà H là vợ của ông T1. Năm 2020, qua sự quen biết qua lại thì ông T1 quen biết bà A. Trong lúc quen biết khi công việc cần tiền để làm ăn vợ chồng bà H có nhiều lần mượn tiền của bà A với lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/ngày. Bà H không nhớ rõ cụ thể là vay bao nhiêu lần và vay số tiền bao nhiêu, vào thời gian nào, các giấy nợ cũ trước đây vợ chồng bà H không còn giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Ngày 31/01/2024 giữa vợ chồng bà H và bà A viết lại giấy nợ và chốt lại khoản nợ thứ nhất là 150.000.000đ hạn ngày 20/6/2024 trả, thỏa thuận lãi suất 2.500đ/1.000.000đ/ngày và khoản nợ thứ hai là 1.050.000.000đ hạn đến 27/9/2024 trả, thỏa thuận lãi suất là 1.000đ/1.000.000đ/ngày. Tổng cộng số tiền gốc của hai khoản là 1.200.000.000đ. Bà H thừa nhận chữ ký bên mượn trong bản chính hai giấy mượn tiền trên là của vợ chồng bà. Bà H xác nhận cả hai khoản nợ này đều là khoản nợ gốc. Lý do không viết chung một giấy mượn tiền là do hai khoản tiền này thỏa thuận hai mức lãi suất khác nhau.

Sau đó vợ chồng bà H đã trả được cho bà A số tiền gốc 120.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần đến số tài khoản của bà A (nội dung chuyển khoản không ghi là chuyển trả vào số tiền gốc hay lãi) nên số tiền gốc hiện nay vợ chồng bà H còn nợ bà A là 1.080.000.000đ.

Nay vợ chồng bà H đồng ý trả cho bà Hồ Mỹ A số tiền gốc 1.080.000.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*), tuy nhiên trong năm 2025 thì mỗi tháng vợ chồng bà H sẽ trả cho bà A số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), còn các năm sau sẽ tùy thuộc với tình hình kinh tế thì vợ chồng bà H sẽ có phương thức trả nợ cụ thể. Vợ chồng bà H xin không phải trả lãi do kinh tế hiện nay khó khăn.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Mỹ A trình bày:

Bà Hồ Mỹ A đồng ý căn trừ số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) mà ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H đã trả vào tổng số tiền gốc của hai khoản nợ mà ông T1 và bà H đã vay. Như vậy hiện nay ông T1 và bà H vẫn còn chưa trả cho bà A tổng số tiền gốc của hai khoản vay là 1.200.000.000đ - 120.000.000đ = 1.080.000.000đ.

Nay bà Hồ Mỹ A yêu cầu ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà A số tiền gốc là 1.080.000.000đ (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/02/2024 đến ngày xét xử (ngày 25/6/2025) với lãi suất 10%/năm là: 1.080.000.000đ x 10%/ năm x 1 năm 4 tháng 25 ngày = 150.894.000đ (Một trăm năm mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng); Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.230.894.000đ (Một tỷ hai trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Mỹ A, buộc ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Hồ Mỹ A số tiền gốc là 1.080.000.000đ (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) và chịu tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 01/02/2024 đến ngày xét xử vụ án. Về án phí: Buộc ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Xuất phát từ việc bà Hồ Mỹ A khởi kiện ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H về việc ông T1 và bà H có vay tiền của bà A nhưng đến hạn không trả nên phát sinh tranh chấp. Bị đơn ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại: Số D1, H, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm

Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H tại phiên tòa:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[1.3] Về sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Mỹ A tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay bà Hồ Mỹ A thay đổi yêu cầu khởi kiện. Xét thấy sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu trả số tiền gốc của hai khoản vay:

Trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Mỹ A đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ là bản chính giấy mượn tiền ghi ngày 31/01/2024 để làm căn cứ khởi kiện. Bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Thành T1 cũng thừa nhận vợ chồng ông T1 bà H có vay tiền của bà A nhiều lần và đồng thời cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trên giấy mượn tiền ghi ngày 31/01/2024 mà bà A đã cung cấp cho Tòa án là của vợ chồng ông T1 bà H và hai khoản nợ đều là khoản nợ gốc. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh do một bên đương sự thừa nhận. Vì vậy việc nguyên đơn bà Hồ Mỹ A căn cứ vào hai bản chính giấy mượn tiền ghi ngày 31/01/2024 để khởi kiện ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H là hoàn toàn có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết, mặc dù các bên đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông T1 và bà H đã trả cho bà A số tiền gốc là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi nghìn đồng*) nhưng nguyên đơn bà A thừa nhận và đồng ý căn trừ số tiền này vào tổng số tiền gốc của hai khoản nợ mà ông T1 và bà H đã vay của bà A. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn đồng thời cũng có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Như vậy hiện nay tổng số tiền gốc mà ông T1 và bà H vẫn còn chưa trả cho bà A là: $1.200.000.000đ - 120.000.000đ = 1.080.000.000đ$ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*). Vì vậy việc bà Hồ Mỹ A yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải cho bà A số tiền gốc là 1.080.000.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*) là có cơ sở và được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất:

Xét nội dung hai giấy mượn tiền ghi ngày 31/01/2024 thể hiện việc các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ và không ghi rõ việc thỏa thuận lãi suất của các bên. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các bên có thừa nhận có sự thỏa thuận bằng miệng về việc phải trả lãi đối với hai khoản vay trên. Như vậy có thể xác định đây là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên đều thừa nhận kể từ khi vay cho đến nay thì bị đơn ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H vẫn chưa trả cho bà A thêm bất kì khoản tiền nào khác ngoài việc đã trả số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) như đã phân tích ở trên. Do đó việc bà Hồ Mỹ A yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/02/2024 đến ngày xét xử hôm nay (ngày 25/6/2025) với lãi suất 10%/năm là: $1.080.000.000đ \times 10\% \times 1 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 150.894.000đ$ (*Một trăm năm mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với ý kiến của bị đơn yêu cầu trả nợ theo từng tháng:

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, ...” thì thấy rằng ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả đủ tiền cho bà Hồ Mỹ A khi đến hạn. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn trả nợ như hai bên đã thỏa thuận trong giấy mượn tiền ghi ngày 31/01/2024 từ lâu mà ông T1 và bà H vẫn chưa trả xong nợ cho bà A là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà các bên đã thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà A nên việc bà A không đồng ý với phương án trả nợ theo từng tháng của ông T1 và bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Mỹ A buộc ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà A tổng cộng số tiền gốc và lãi là: $1.080.000.000đ + 150.894.000đ = 1.230.894.000đ$ (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Mỹ A được chấp nhận nên ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là: $36.000.000đ + 3\% (1.230.894.000đ - 800.000.000đ) = 48.926.820đ$ (*Bốn mươi tám triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Mỹ A về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Hồ Mỹ A tổng số tiền là: 1.230.894.000đ (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng*), trong đó: tiền gốc là: 1.080.000.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi là: 150.894.000đ (*Một trăm năm mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Ngô Thành T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 48.926.820đ (*Bốn mươi tám triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi đồng*).

Hoàn trả lại số cho bà Hồ Mỹ A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Á đã nộp là 25.606.000đ (*Hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008294 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đa Huoai;
- Chi cục THADS huyện Đa Huoai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Út

